TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2023/HS-ST
Ngày: 24-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc San Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Dung;

2. Bà Hồ Thị Lệ Thu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thuý Loan - Thư ký Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/QĐXXST-HS ngày 05/7/2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn L (tên gọi khác: T); sinh năm 2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số I đường Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: không có nơi cư trú rõ ràng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: không; là con ông (không biết) và bà Nguyễn Thị Thanh T1; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Bản án số 47/2019/HSST ngày 31/7/2019 Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", Bản án phúc thẩm số 447/2019/HS-PT ngày 15/10/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh y án sơ thẩm, xử phạt 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", chấp hành xong án phạt tù ngày 12/01/2020, chưa chấp hành án phí, nộp lại tiền thu lợi bất chính; tiền sự: Quyết định số 63/2020/QĐ-TA ngày 03/6/2020, Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: tạm giữ từ ngày 01/9/2022, chuyển tạm giam ngày 10/9/2022. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Nguyễn Phúc H, sinh năm 1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B đường Đ, Phường A, Quận

D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số G đường Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: không; là con ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị Ngọc M; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: Quyết định số 43/2019/QĐ-TA ngày 04/3/2019, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 22 tháng; nhân thân: Bản án số 172/2016/HSST ngày 21/9/2016 Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong án phạt tù ngày 18/9/2018.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: tạm giữ từ ngày 01/8/2022, chuyển tạm giam ngày 07/8/2022. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Họ và tên: Trần Hoàng Â (tên gọi khác: C, N, S), sinh năm 1982 tại tỉnh Tiền Giang; giới tính: nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B đường B, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: không có nơi cư trú rõ ràng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: thợ sơn; là con ông Trần Văn L1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S1 (đã chết); bị cáo có vợ, chưa có con; tiền án: không; tiền sự: Quyết định số 06/2020/QĐ-TA ngày 03/01/2020, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng;

Nhân thân:

+ Quyết định số 105/QĐUB ngày 12/11/1999, Ủy ban nhân dân tỉnh T đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản;

+ Bản án số 12/HSST ngày 21/5/2004, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản;

+ Bản án số 517/2005/HSST ngày 06/4/2005, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 12/HSST ngày 21/5/2004 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc chấp hành hình phạt chung là 04 năm tù. Chấp hành xong án phạt tù ngày 03/9/2007;

+ Bản án số 18/2011/HSST ngày 31/3/2011, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 09/01/2013;

+ Bản án số 109/2014/HSST ngày 12/9/2014, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 25/01/2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: tạm giữ từ ngày 01/9/2022, chuyển tạm giam ngày 10/9/2022. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Họ và tên: Nguyễn Thị Trang T2, sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nữ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số I đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: không có nơi cư trú rõ ràng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: phục vụ; là con ông Nguyễn Văn T3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S1; bị cáo có chồng và 02 người con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2015); tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: tạm giữ từ ngày 01/9/2022, chuyển tạm giam ngày 10/9/2022. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1987; thường trú: Tổ 10, khóm C, huyện C, thành phố C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số A đường N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Phạm Thế N1, sinh năm 2003; thường trú: P, P, P, An Giang; nơi cư trú: Số A đường N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. Bà Phan Thị Diễm H1, sinh năm 1981; thường trú: A đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số C đường N, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4. Ông Trần Văn G, sinh năm 1988; thường trú: Thôn B, Do Đ, N, L, Hà Nam; nơi cư trú: Số D Đường số F, khu phố P, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Trọng H2, sinh năm 1970; địa chỉ: Số E Đường N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1975; địa chỉ: Số F đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Thanh T4, sinh năm 1968; thường trú: Số F Đường số G, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số G Đường số A, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4. Ông Trần Minh Đ1; địa chỉ: B, B, C, Tiền Giang. (vắng mặt)

5. Ông Lê Hữu Á, sinh năm 1970; địa chỉ: Số C đường N, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L và Nguyễn Phúc H có quen biết trong thời gian cai nghiện chung. Khoảng 16 giờ ngày 01/8/2022, Nguyễn Văn L mang theo 01 biển số xe

62L2-102.7 và 02 bộ dụng cụ phá khoá xe (đoản) đến nhà Nguyễn Phúc H, địa chỉ 792/4/3 Đ, phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, rủ H đi trộm cắp tài sản, H đồng ý. L tháo biển số 59C2-251.58 của xe mô tô hiệu Vision do H đang sử dụng ra, gắn biển số giả 62L2-102.73 do L mang theo vào xe, để 01 bộ đoản trong cốp xe, còn 01 bộ L mang theo trong người. L chở H đi từ Quận D sang quận B tìm kiếm xe người dân để sơ hở. Khi đến trước nhà trọ địa chỉ 117/80/30 N, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, L nhìn thấy 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade màu trắng biển số 59S2-417.82 của bà Nguyễn Thị S2 để trong khu nhà trọ, không người trông coi. L dừng xe ở cổng khu nhà trọ, đi bộ vào trong khu nhà trọ lấy trộm xe, H đứng ngoài cảnh giới. L dùng cục từ mở nắp an toàn của ổ khoá, dùng đoản phá ổ khoá xe. Khi L vừa phá khoá xong, chuẩn bị dẫn xe đi thì bà S2 phát hiện tri hô. L bỏ chạy ra xe H để tẩu thoát, cả hai tăng ga bỏ chạy. Khi chạy vào khu vực chợ Đ4 người, xe của H và L bị ngã. Hậu bị người dân bắt giữ, còn L chạy bộ tẩu thoát.

Theo kết luận định giá tài sản số 229/KLĐGTS-TCKH ngày 21/10/2022 của Phòng Tài chính – Kế hoạch Ủy ban nhân dân quận B, kết luận: 01 xe gắn máy hai bánh hiệu Honda Airblade biển số 59S2-417.82 có giá trị 25.000.000 đồng.

Xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 59S2-417.82 do ông Phạm Trọng H2 đứng tên chủ xe. Ông H2 giao xe cho bà Nguyễn Thị S2 quản lý, sử dụng.

Vụ thứ 2:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 01/8/2022, L cùng H trộm cắp xe máy tại nhà trọ địa chỉ 117/80/30 N, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị người dân truy đuổi. Hậu bị bắt quả tang còn L chạy thoát, trốn vào nhà dân. Trong lúc trốn ở nhà số A N, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, L phát hiện trong nhà có 01 xe mô tô hiệu Wave RSX biển số 67K1-998.75 của ông Nguyễn Phạm Thế N1 không người trông coi. L dùng đoản bẻ khóa xe rồi điều khiển xe tẩu thoát. L liên lạc với Đ2 (không rõ lai lịch) nhờ Đ2 bán xe Wave. Đại đồng ý bán xe Wave RSX giùm L với giá 7.000.000 đồng. Đ2 đưa xe mô tô hiệu Raider biển số 63P1-353.17 của Đ2 cho L giữ, kêu L chờ Đ2 mang tiền bán xe về. L không thấy Đ2 quay lại, không liên lạc được nên chạy xe Raider về nhà.

Trong thời gian cai nghiện, L cũng quen biết với Trần Hoàng Â. Ngày 25/8/2022, khi Trần Hoàng Â đang ở cùng với Nguyễn Thị Trang T2 tại nhà trọ địa chỉ C9/8 BC 2, ấp D, xã B, huyện B, L liên lạc với Â để bán xe Raider. L đồng ý cả hai hẹn gặp nhau tại trước địa chỉ I N, phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh để giao dịch. Â rủ Nguyễn Thị Trang T2 cùng đi. Â và T2 đi xe ôm đến nơi hẹn với L, T2 đứng ở xa chờ, Â lại nói chuyện với L. Ân thấy xe không có giấy tờ, biết xe gian và đồng ý mua xe Raider với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, Â chạy xe Raider biển số 63P1-353.17 chở T2 về nhà trọ địa chỉ C9/8 BC 2, ấp D, xã B, huyện B và sử dụng xe làm phương tiện đi lại. Số tiền 7.000.000 đồng, L tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản số 248/KLĐGTS-TCKH ngày 22/11/2022 của Phòng Tài chính – Kế hoạch Ủy ban nhân dân quận B, kết luận: 01 xe gắn máy hai bánh hiệu Honda Wave RSX biển số 67K1-998.75 có giá trị 18.000.000 đồng.

Đối với bộ đoản, sau khi trộm cắp tài sản, L không nhớ đã để ở đâu. Đối với xe mô tô hiệu Wave RSX biển số 67K1-998.75, do ông Nguyễn Phạm Thế N1 là chủ xe, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B không thu hồi được, đã ra quyết định truy tìm.

Vụ thứ 3:

Vào khoảng 22 giờ ngày 28/8/2022, D (chưa rõ lai lịch) điện thoại rủ L đến quán K, địa chỉ số C N, phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. D rủ L đi trộm cắp xe máy để bán kiếm tiền tiêu xài, L đồng ý. D đưa L một bộ đoản dùng để bẻ khóa xe gồm 01 ống điếu bằng kim loại hình chữ L, 02 đầu đoản hình dẹp. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/8/2022, cả hai ra về. D đưa xe mô tô hiệu Honda Blade màu đen của D cho L điều khiển chở D (không rõ biển số) qua Quận G. L chở D đi lòng vòng trên các tuyến đường Q tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến trước nhà trọ số C N, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, D đứng ngoài cảnh giới. L đi bộ vào bên trong tìm kiếm tài sản trộm cắp, phát hiện 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59C3-252.24 của bà Phan Thị Diễm H1 để trước cửa phòng trọ, không khóa cổ, ổ khóa xe Smartkey (khóa điện tử) nên L ra ngoài nói với D. D kêu L vào dẫn bộ xe ra ngoài giao cho D. L vào trộm xe mô tô hiệu Vision biển số 59C3-252.24 đẩy ra cho D rồi cả hai tẩu thoát về hướng Quận D bằng cách L điều khiển xe Honda Blade, đẩy D ngồi trên xe mô tô hiệu Vision màu đen nhám, biển số 59C3-252.24. Đến khoảng 03 giờ 00 ngày 29/8/2022, L liên lạc với Trần Hoàng Â (Đang ở tại nhà trọ C9/8 BC 2, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với Nguyễn Thị Trang T2) qua số điện thoại 0938925027 để bán xe Vision vừa trộm. L và Â hẹn gặp tại đầu hẻm E T, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Â rủ T2 cùng đi mua xe. Lúc này, T2 đã biết việc Â rủ đi mua xe do trộm cắp mà có, nhưng T2 vẫn tham gia. Â điều khiển xe mô tô hiệu Raider biển số 63P1-353.17 (mua của L trước đó) chở T2 đến điểm hẹn. Â đồng ý mua xe với giá 9.000.000 đồng. Â không có đủ tiền nên hẹn 09 giờ sáng cùng ngày sẽ trả đủ tiền cho L. L có nói cho Â biết đây là tài sản do L trộm cắp mà có. Ân đưa xe mô tô hiệu Vision biển số 59C3-252.24 cho T2 điều khiển, Â điều khiển xe mô tô hiệu Raider dùng chân đẩy T2 và xe biển số 59C3-252.24. D điều khiển xe của D chở L về hẻm B T, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh để L đi bộ về nhà.

Theo kết luận định giá tài sản số 322/KL-HĐĐGTTHS ngày 08/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận G2, kết luận: xe máy biển số 59C3-252.24 có giá trị 37.000.000 đồng.

Vụ thứ 4:

Khoảng 19 giờ ngày 29/8/2022, L điện thoại rủ D đi trộm cắp xe bán lấy tiền tiêu xài. D đồng ý. D chạy xe mô tô hiệu Honda Blade (không rõ biển số)

của D qua trước cổng trường trung học phổ thông N2, Quận D đón L. L chạy xe chở D qua khu vực Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tìm xe không người trông coi để trộm cắp. D đưa L bộ đoản phá ổ khoá xe gồm: 02 mũi đoản dẹp và 01 ống điếu chữ L 8mm, L cầm và bỏ vào túi áo khoác G1. L chở D trên các tuyến đường Thành phố T. Khi đến trước địa chỉ 4 đường số F, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, L nhìn thấy 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh, biển số 59P3-098.91 của ông Trần Văn G để trước nhà không người trông coi nên thông báo cho D biết. L xuống xe, đi bộ đến nơi đậu xe Honda Wave, biển số 59P3-098.91, dùng đoản phá ổ khoá xe, lấy trộm xe. D ngồi trên xe cảnh giới cho L. Sau khi trộm được xe, L nổ máy xe tẩu thoát về hướng Quận D, D điều khiển xe Honda Blade chạy theo sau. Trên đường tẩu thoát, L tiếp tục liên lạc với Trần Hoàng Â để bán xe. Khi L chạy xe Honda Wave, biển số 59P3-098.91 trộm cắp được đi bán cho Â thì bị Công an Q kiểm tra, đưa về trụ sở làm việc. D điều khiển xe Honda Blade chạy thoát.

Theo kết luận định giá tài sản số 122-KV2/KLĐG-HĐĐGTS ngày 15/9/2022 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân Thành phố T, kết luận: xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 59P3-098.91 có giá trị 13.300.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn L, Nguyễn Phúc H, Trần Hoàng Â và Nguyễn Thị Trang T2 khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ:

* Tạm giữ của bà Nguyễn Thị S2:

- 01 ổ khóa (đã bị hư) của xe mô tô biển số 59S2-417.82.

* Tạm giữ của Nguyễn Văn L:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 59P3-098.91, số khung: RLHJA3912LY125621, số máy: JA39E1463491, là tài sản của ông Trần Văn G bị L trộm cắp. Qua giám định số khung, số máy, kết quả không thay đổi; giám định biển số 59P3-098.91 kết quả là biển số thật. Qua xác minh, xe do bà Nguyễn Thị L2 (địa chỉ: F N, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ xe. Bà L2 đứng tên chủ xe giùm cho ông Trần Văn G. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả xe lại cho ông G.

- 01 điện thoại hiệu OPPO F11 Pro 128G, số imei: 863880047045134, đã qua sử dụng, là điện thoại L sử dụng để liên lạc, thực hiện hành vi phạm tội.

* Tạm giữ của Nguyễn Phúc H:

- 01 điện thoại hiệu Iphone 7 màu đen, 01 điện thoại hiệu Nokia 105, là tài sản cá nhân.

- 01 thanh kim loại có 01 đầu dẹp, đầu còn lại hình lục giác, dài khoảng 7cm.

- 01 giỏ bằng vải màu đen.

- 01 quần đùi ngắn bằng jean màu xanh.

- 01 áo sơ mi màu xám, ngắn tay có chữ Burberry.

- 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 59C2-251.58, và 01 biển số xe 59C2-251.58. Qua xác minh, xe có số khung: RLHJF3302CY-251298, số máy: JF33E-0257933, trùng với số khung, số máy xe mô tô hiệu Honda Vision mà H sử dụng thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision gắn biển số 62L2-102.73, số khung: RLHJF3302CY-251298, số máy: JF33E-0257933. Qua xác minh biển số 62L2-102.73, không tìm thấy dữ liệu, Nguyễn Văn L khai nhận mua biển số từ Đ2 (không rõ nhân thân, lai lịch). Qua giám định số khung, số máy, kết quả không thay đổi, xe có biển đăng ký là 59C2-251.58, do bà Nguyễn Thị Thanh T4 (địa chỉ: 6 đường G, khu phố A, phường T, Quận G) đứng tên chủ xe. Năm 2018, bà T4 bán xe cho cửa hàng thu mua xe cũ (không rõ địa chỉ), không làm thủ tục sang tên, chỉ đưa giấy đăng ký xe. H khai xe mượn từ một người tên Đoàn Duy P1 (không rõ lai lịch) để đi lại.

* Tạm giữ của Trần Hoàng Â:

- 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider, gắn biển số 63P1-353.17, đã qua sử dụng. Qua giám định số khung, số máy, kết quả số khung, số máy bị mài mất số, không xác định được số nguyên thủy; giám định biển số 63P1-353.17 kết quả không đủ cơ sở kết luận là biển số thật hay giả. Qua xác minh biển số 63P1-353.17, là của xe mô tô hiệu Vision, số khung: RLHJF5822KY019711, số máy: JF86E0253828, do ông Trần Minh Đ1 (địa chỉ: B, B, C, Tiền Giang) đứng tên chủ xe.

- 01 xe máy hiệu Vision màu đen, biển số 59C3-252.24, số khung: RLHJK0323NZ018040, số máy: JK03E7638018, là tài sản L chiếm đoạt của bà Phan Thị Diễm H1. Xe do bà Phan Thị Diễm H1 đứng tên chủ xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả xe lại cho bà H1.

- 01 điện thoại hiệu Samsung A52S, số thuê bao 0938925027, số imei: 35034645149719/01, đã qua sử dụng, là điện thoại Ân liên lạc với L để mua xe do L trộm cắp được.

* Tạm giữ của Nguyễn Thị Trang T2:

- 01 điện thoại hiệu Samsung A20S màu xanh, số imei 353248119202396, đã qua sử dụng.

Về dân sự: Người bị hại là bà Nguyễn Thị S2 không yêu cầu; bà Phan Thị Diễm H1, ông Trần Văn G đã nhận lại tài sản, không yêu cầu thêm; ông Nguyễn Phạm Thế N1 yêu cầu được bồi thường 21.000.000 đồng. Tại phiên toà, ông N1 thay đổi yêu cầu, buộc Nguyễn Văn L bồi thường giá trị chiếc xe bị trộm theo kết luận định giá tài sản là 18.000.000 đồng, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo L đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông N1.

Bản Cáo trạng số 101/CT-VKSQ7 ngày 07/6/2023 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L đã phạm tội Trộm cắp tài sản.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Nguyễn Phúc H đã phạm tội Trộm cắp tài sản (phạm tội chưa đạt). Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Trần Hoàng Â, Nguyễn Thị Trang T2 đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 03 năm đến 04 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 15, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Hoàng Â từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trang T2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật;

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận, và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận:

[2.1] 16 giờ ngày 01/8/2022, Nguyễn Văn L đồng phạm với Nguyễn Phúc H có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade màu trắng biển số 59S2-417.82 của bà Nguyễn Thị S2. Trong đó, H cảnh giới, L trực tiếp dùng dụng cụ phá khóa xe, chuẩn bị dẫn xe đi thì bị chủ sở hữu phát hiện, bắt giữ được H, L chạy thoát. Hành vi của các bị cáo cấu thành tội Trộm cắp tài sản, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 25.000.000 đồng.

[2.2] Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 01/8/2022, tại địa chỉ 1 N, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn L có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 67K1-998.75 của ông Nguyễn Phạm Thế N1, sau đó bán xe cho Trần Hoàng Â, thu được 7.000.000 đồng. Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 18.000.000 đồng.

[2.3] Ngày 28/8/2022, tại địa chỉ C N, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn L cùng D (chưa rõ lai lịch) có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59C3-252.24 của bà Phan Thị Diễm H1, sau đó L bán xe cho Trần Hoàng Â giá 9.000.000 đồng nhưng chưa lấy được tiền. Tài sản L chiếm đoạt có giá trị 37.000.000 đồng.

[2.4] Ngày 29/8/2022, tại trước địa chỉ 4 đường số F, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn L cùng D (chưa rõ lai lịch) có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh, biển số 59P3-098.91 của ông Trần Văn G. Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 13.300.000 đồng.

[2.5] Tài sản Nguyễn Văn L chiếm đoạt có tổng giá trị 93.300.000 đồng, thu lợi bất chính 7.000.000 đồng. Tài sản bị Nguyễn Phúc H chiếm đoạt có giá trị 25.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Hành vi gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2.6] Trần Hoàng Â thừa nhận là đã biết được các xe mô tô Suzuki Raider, gắn biển số 63P1-353.17 không có giấy tờ, số khung, số máy bị đục, là xe do L phạm tội mà có, và xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59C3-252.24 do Nguyễn Văn L nói rõ do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua. Nguyễn Thị Trang T2 biết và nhận thức được Â mua xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59C3-252.24 do Nguyễn Văn L phạm tội mà có nhưng vẫn giúp sức cùng Â đi mua xe và đem xe về tiêu thụ. Hành vi của các bị cáo cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hành vi gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2.7] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm vì đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của công dân; ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị

an xã hội. Do đó, phải xử lý nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Văn L có tiền án chưa được xóa án tích, tiếp tục trộm xe 04 lần, nên thuộc trường hợp tái phạm và phạm tội 02 lần trở lên, đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, qui định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Trần Hoàng Â biết rõ xe của L mang đến đều do phạm tội mà có, nhưng vẫn mua xe 02 lần, nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Nguyễn Thị Trang T2 có thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thuộc điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là bà Nguyễn Thị S2 không yêu cầu; bà Phan Thị Diễm H1, ông Trần Văn G đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm; ông Nguyễn Phạm Thế N1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường 18.000.000 đồng, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị cáo L đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước là 7.000.000 đồng.

[7] Xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 59P3-098.91, số khung: RLHJA3912LY125621, số máy: JA39E1463491, là tài sản của ông Trần Văn G bị L trộm cắp. Qua giám định số khung, số máy, kết quả không thay đổi; giám định biển số 59P3-098.91 kết quả là biển số thật. Qua xác minh, xe do bà Nguyễn Thị L2 (địa chỉ: F N, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ xe. Bà L2 đứng tên chủ xe giùm cho ông Trần Văn G. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả xe lại cho ông G nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- 01 xe máy hiệu Vision màu đen, biển số 59C3-252.24, số khung: RLHJK0323NZ018040, số máy: JK03E7638018, là tài sản L chiếm đoạt của bà Phan Thị Diễm H1. Xe do bà Phan Thị Diễm H1 đứng tên chủ xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả xe lại cho bà H1, nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- 01 ổ khóa (đã bị hư) của xe mô tô biển số 59S2-417.82, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ;

- 01 điện thoại hiệu OPPO F11 Pro 128G, số imei: 863880047045134, đã qua sử dụng, là điện thoại L sử dụng để phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

- 01 điện thoại hiệu Iphone 7 màu đen, 01 điện thoại hiệu Nokia 105, là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Phúc H, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo;

- 01 thanh kim loại có 01 đầu dẹp, đầu còn lại hình lục giác, dài khoảng 7cm, 01 giỏ bằng vải màu đen, 01 quần đùi ngắn bằng jean màu xanh, 01 áo sơ mi màu xám, ngắn tay có chữ Burberry, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ;

- 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 59C2-251.58, 01 biển số xe 59C2-251.58, 01 xe mô tô hiệu Honda Vision gắn biển số 62L2-102.73, số khung: RLHJF3302CY-251298, số máy: JF33E-0257933. Qua xác minh, giám định xe mô tô hiệu H3 có số khung: RLHJF3302CY-251298, số máy: JF33E-0257933 không đổi, có biển số đăng ký là 59C2-251.58, do bà Nguyễn Thị Thanh T4 (địa chỉ: 6 đường G, khu phố A, phường T, Quận G) đứng tên chủ xe. Năm 2018, bà T4 bán xe cho cửa hàng thu mua xe cũ (không rõ địa chỉ), không làm thủ tục sang tên, chỉ đưa giấy đăng ký xe. Bị cáo H khai xe mượn từ một người tên Đoàn Duy P1 (không rõ lai lịch) để đi lại. Đối với biển số 62L2-102.73 gắn trên xe mô tô hiệu Honda Vision, số khung: RLHJF3302CY-251298, số máy: JF33E-0257933. Qua xác minh biển số 62L2-102.73, không tìm thấy dữ liệu, Nguyễn Văn L khai nhận mua biển số từ Đ2 (không rõ lai lịch). Do vậy, tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu hợp pháp trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Vision gắn biển số 62L2-102.73, có số khung: RLHJF3302CY-251298, số máy: JF33E-0257933, kèm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 59C2-251.58, 01 biển số xe 59C2-251.58, trường hợp tìm được chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider, gắn biển số 63P1-353.17, đã qua sử dụng. Qua giám định số khung, số máy, kết quả số khung, số máy bị mài mất số, không xác định được số nguyên thủy. Đối với biển số 63P1-353.17, kết quả giám định không đủ cơ sở kết luận là biển số thật hay giả. Qua xác minh số đăng ký 63P1-353.17, là của xe mô tô hiệu Vision, số khung: RLHJF5822KY019711, số máy: JF86E0253828, do ông Trần Minh Đ1 (địa chỉ: B, B, C, Tiền Giang) đứng tên chủ xe, ông Đ1 xác nhận không bị mất biển số, xe mô tô hiệu Vision mang biển 63P1-353.17 của ông vẫn đang sử dụng bình thường. Do vậy, cần tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu hợp pháp trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày đối

với 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider, gắn biển số 63P1-353.17, không xác định được số khung, số máy nguyên thuỷ, trường hợp tìm được chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại hiệu Samsung A52S, số thuê bao 0938925027, số imei: 35034645149719/01, đã qua sử dụng, là điện thoại Ân liên lạc với L để mua xe do L trộm cắp được, nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

- 01 điện thoại hiệu Samsung A20S màu xanh, số imei 353248119202396, đã qua sử dụng, là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Thị Trang T2, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[8] Đối với các đối tượng tên "Đ2", tên "D" (không rõ nhân thân lai lịch), do không xác định được nhân thân, lai lịch nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

[9] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Phúc H phạm tội "Trộm cắp tài sản", các bị cáo Trần Hoàng Â, Nguyễn Thị Trang T2 đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1. Áp dụng Đ3 c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2022.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 15; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2022.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng Â 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2022.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trang T2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2022.

5. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn L nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 7.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường cho ông Nguyễn Phạm Thế N1 số tiền 18.000.000 đồng;

Kể từ ngày Cơ quan Thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án về khoản tiền bị cáo phải bồi thường nếu bị cáo chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 ổ khóa (đã bị hư) của xe mô tô biển số 59S2-417.82, 01 thanh kim loại có 01 đầu dẹp, đầu còn lại hình lục giác, dài khoảng 7cm, 01 giỏ bằng vải màu đen, 01 quần đùi ngắn bằng jean màu xanh, 01 áo sơ mi màu xám, ngắn tay có chữ B;

- Trả lại cho Nguyễn Phúc H: 01 điện thoại hiệu Iphone 7 màu đen, 01 điện thoại hiệu Nokia 105;

- Trả lại cho Nguyễn Thị Trang T2: 01 điện thoại hiệu Samsung A20S màu xanh, số imei 353248119202396, đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại hiệu Samsung A52S, số imei: 35034645149719/01, đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại hiệu OPPO F11 Pro 128G, số imei: 863880047045134, đã qua sử dụng;

- Tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu hợp pháp trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Vision gắn biển số 62L2-102.73, có số khung: RLHJF3302CY-251298, số máy: JF33E-0257933, kèm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 59C2-251.58, 01 biển số xe 59C2-251.58, trường hợp tìm được chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu hợp pháp trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày đối với 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider, gắn biển số 63P1-353.17, không xác định được số khung, số máy nguyên thuỷ, trường hợp tìm được chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

(Theo Biên bản về việc giao, nhận vật chứng tài sản số 93 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng);

- Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng)

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc San Hà

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (TK Thanh).